

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Phú Hiên.
2. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 590/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

“Có mặt”

Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Qua mai mối, ông Võ Văn T và bà Phạm Thị Kim P kết hôn năm 2011, hôn nhân là tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AL, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp ngày 18/8/2011. Sau khi kết hôn vợ, chồng về sống tại Thôn 8, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng về kinh tế, về ứng xử và

sinh hoạt trong cuộc sống. Năm 2012, bà P đã về sống với gia đình tại Ấp N, xã K, huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho tới nay. Trong thời gian trên vợ chồng vẫn thường xuyên qua lại với nhau, nhưng bà P không đồng ý cùng các con trở về sống chung với ông T tại tỉnh Bình Phước và từ năm 2019 đến nay không còn liên lạc, qua lại với nhau nữa. Nay, ông T nhận thấy gia đình không thể đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn bà P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông T và bà P có 02 con chung tên là Võ Thị Quỳnh N, sinh ngày 09/4/2012 và Võ Thanh P1, sinh ngày 22/4/2014, hiện nay các con chung đang sống với bà P. Khi ly hôn, ông T nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho bà P, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Kim P trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T kết hôn năm 2011 trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AL, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp ngày 18/8/2011. Sau khi kết hôn vợ, chồng về chung sống tại Thôn 8, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng do kinh tế khó khăn nên bà P nói với ông T để mẹ con bà P về sống với cha mẹ bà P tại Ấp N, xã K, huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong thời gian trên thì ông T thỉnh thoảng có về thăm vợ, con và bà P khuyên ông T chuyển về huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sống chung nhưng ông T không đồng ý. Từ tháng 9/2019 đến nay ông T không liên lạc với bà P và không về thăm con, bà P gọi điện ông T không nghe máy, không trả lời tin nhắn. Bà P nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng không đồng ý về tỉnh Bình Phước sống vì điều kiện ở đó khó khăn, ông T không lo được việc ăn học tốt cho các con và cuộc sống tốt cho vợ con.

Về con chung: Bà P và ông T có 02 con chung tên là Võ Thị Quỳnh N, sinh ngày 09/4/2012 và Võ Thanh P1, sinh ngày 22/4/2014, hiện nay đang sống với bà P. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên thời hạn xử lý đơn quá 05 ngày và vụ án quá 04 tháng là vi phạm thời hạn xử lý đơn và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 191 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cần rút kinh nghiệm.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn bà P; về con chung, đề nghị giao các cháu Võ Thị Quỳnh N và Võ Thanh P1 cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện M nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Bà Phạm Thị Kim P cư trú tại xã K, huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 90, Quyền số 01, ngày 18/8/2011 của Ủy ban nhân dân phường AL, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xác định hôn nhân giữa ông Võ Văn T và bà Phạm Thị Kim P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thôn 8, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đến năm 2012 thì bà P về sống với gia đình tại xã K, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến nay và không đồng ý trở về sống với ông T tại tỉnh Bình Phước. Do vợ chồng không thống nhất được nơi ở để cùng chung sống nên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Trong thời gian trên vợ chồng vẫn thường xuyên qua lại với nhau tới năm 2019 thì không còn qua lại và không còn liên lạc với nhau nữa. Nay ông T nhận thấy vợ chồng cùng các con không thể đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn bà P. Bà P cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy các con, nhưng bà P không đồng ý cùng các con về tỉnh Bình Phước sống với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông T và bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng do hai bên không thống nhất được với nhau về nơi ở, không thể đoàn tụ sống chung, vì vậy chấp nhận cho ông T được ly hôn bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. *Về con chung:* Ông T và bà P có 02 con chung là Võ Thị Quỳnh N, sinh ngày 09/4/2012 và Võ Thanh P1, sinh ngày 22/4/2014, hiện nay đang sống với bà P. Khi ly hôn ông T đồng ý giao các con chung cho bà P được quyền nuôi dưỡng, do đó giao cháu N và cháu P1 cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản và nợ chung:* Ông T và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Ông Võ Văn T được ly hôn bà Phạm Thị Kim P.

2. *Về con chung*: Giao các cháu Võ Thị Quỳnh N, sinh ngày 09/4/2012 và Võ Thanh P1, sinh ngày 22/4/2014 cho bà Phạm Thị Kim P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001447 ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Võ Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND phường AL, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy